TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 902/2025/DS-PT
Ngày:23-12-2025
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Bà Nguyễn Ái Đoan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 737/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực B – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1353/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Trương Thị Thanh T, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: C H, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là C H, phường M, tỉnh Đồng Tháp).

2. Lê Minh T1, sinh năm 1998 (có mặt);

Địa chỉ: B ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là 28 Tổ A, khu phố H, phường M, tỉnh Đồng Tháp).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 07/10/2025).

- *Bị đơn*:

1. Phan Văn M, sinh năm 1977 (có mặt);

2. Nguyễn Thị M1, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Thị H1, Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Các bị đơn Phan Văn M, Nguyễn Thị M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm H trình bày:

Ngày 15/4/2024 chị Lê Thị Cẩm H có cho vợ chồng ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị M1 vay số tiền là 202.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 1%/tháng. Khi vay tiền hai bên có lập biên nhận và ông M1, bà M1 có ký tên xác nhận nợ. Quá trình vay, ông M1 và bà M1 có trả cho chị H 03 tháng tiền lãi thì ngưng luôn đến nay. Đến hạn trả vốn ông M1, bà M1 vẫn không thực hiện. Nay chị H yêu cầu ông M1, bà M1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền là 202.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 16/7/2024 cho đến khi xét xử. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị M1 mặc dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực B – Đồng Tháp đã áp dụng Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm H.

Buộc ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị M1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Cẩm H số tiền là 223.795.000 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 13/9/2025, các bị đơn ông Phan Văn M, bà Nguyễn Thị M1 có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Phan Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà Nguyễn Thị M1 vắng mặt không rõ lý do; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày lý lẽ bảo vệ cho bị đơn: Tờ giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp, theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự thì bị đơn chưa nhận tiền, nguyên đơn không chứng minh được đã giao tiền nên bị đơn không có nghĩa vụ phải trả tiền. Đối với mức lãi suất 0,83%/tháng mà Tòa án sơ thẩm áp dụng để tính lãi phát sinh cũng không có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị M1 vắng mặt không rõ lý do xem như từ bỏ quyền kháng cáo. Về nội dung kháng cáo: Vợ chồng ông M1 cho rằng chỉ vay số tiền 8.000.000 đồng rồi tính lãi cộng dồn thành số tiền 202.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M1 và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về tố tụng***: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Bà Nguyễn Thị M1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần dự phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do, xem như từ bỏ quyền kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vụ án vắng mặt bà M1 và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà M1 theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] ***Về nội dung***: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi số tiền vay 202.000.000 đồng và tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 15/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chứng minh bằng tờ biên nhận mượn tiền ghi ngày 15/4/2024 có ký tên ghi họ tên của vợ chồng bị đơn Phan Văn M, Nguyễn Thị M1. Bị đơn không có văn bản nêu ý kiến của mình

đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, nhận thấy: Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là tờ biên nhận mượn tiền (bản chính) được bị đơn thừa nhận trong đơn kháng cáo là có ký tên với nội dung *"...Tôi tên Phan Văn M ... cùng vợ tôi tên Nguyễn Thị M1... Hôm nay ngày 15-4-2024 Tôi có mượn Lê Thị Cẩm H số tiền 202.000.000 đồng (hai trăm lẽ hai triệu). Thời hạn trả là 12 tháng kể từ ngày ký biên nhận..."*. Cuối biên nhận vợ chồng ông M1, bà M1 cùng ký tên. Nhưng bị đơn cho rằng xuất phát từ số tiền vay 8.000.000 đồng từ năm 2020 với lãi suất cao là 20%/tháng. Sau đó chị H ép buộc, đe dọa vợ chồng bị đơn và buộc ký tên. Xét thấy, lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở. Bởi lẽ, bị đơn không có chứng cứ chứng minh, không được nguyên đơn thừa nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng không giải trình được xuất phát từ số tiền vay 8.000.000 đồng và tính lãi như thế nào theo lãi suất 20%/tháng để trở thành số tiền vay 202.000.000 đồng theo nội dung tờ biên nhận do nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

[6] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị M1.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phan Văn M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực B – Đồng Tháp.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm H.

Buộc ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị M1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Cẩm H số tiền là 223.795.000 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông M1, bà M1 chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị M1 phải chịu 11.189.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002506 ngày 16/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

H2 lại cho chị Lê Thị Cẩm H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.428.000 đồng theo biên lai thu số 0012834 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Đồng Tháp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực B – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt